

20	Hà A Chú Di	2023		Nhà trẻ-Pha Thanh	Mông	Hà Thị Lù	Bản Pha Thanh - MN	Thôn bản DBKK	150.000	4	600.000
21	Ly Thị Xuyên		2023	Nhà trẻ-Pha Thanh	Mông	Ly A Pó	Bản Pha Thanh - MN	Thôn bản DBKK	150.000	4	600.000
22	Lầu Minh Phúc	2024		Nhà trẻ-Pha Thanh	Mông	Lầu A Già	Bản Pha Thanh - MN	Thôn bản DBKK	150.000	4	600.000
23	Lầu Minh Phúc	2024		Nhà trẻ-Pha Thanh	Mông	Lầu Thị Bàu	Bản Pha Thanh - MN	Thôn bản DBKK	150.000	4	600.000
24	Và A Phong	2024		Nhà trẻ-Pha Thanh	Mông	Và A Mùa	Bản Pha Thanh - MN	Thôn bản DBKK	150.000	4	600.000
25	Lầu Thị Thu		2023	Nhà trẻ A Trung tâm	Mông	Lầu A Sá	Xã Xa Dung - DBD	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
26	Giàng Minh Hải	2023		Nhà trẻ A Trung tâm	Mông	Giàng A Chăn	Pha Lay - MN	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
27	Vừ A Thanh	2023		Nhà trẻ A Trung tâm	Mông	Vừ Thị Lĩa	Bản Hìn Phon - NT	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
28	Sùng Thị Vĩ		2020	MG ghép trung tâm	Mông	Sùng A Say	Pú Hồng - DBD	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
29	Giàng Thị Ái Nhi		2020	MG ghép trung tâm	Mông	Giàng A Chăn	Pha Lay - MN	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
30	Vừ Ánh Ngọc		2020	MG ghép trung tâm	Mông	Vừ A Hồ	Xã Co Mạ-Son La	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
31	Lương Thái Hoàng	2021		MG ghép trung tâm	Lào	Lương Văn Lý	Na Khoang - M. Nhà	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
32	Sùng A Cường	2022		MG ghép trung tâm	Mông	Sùng A Say	Bản Nà Nénh B- Pú Hồng	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
33	Hà Mai Phương		2022	MG ghép trung tâm	Mông	Hà A Chu	Phi Nhừ - Điện Biên	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
34	Hà Khánh Ngân		2022	MG ghép trung tâm	Mông	Hà A Dư	Phi Nhừ - Điện Biên	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
35	Lò Nguyệt Cát		2021	MG nhỡ trung tâm	Thái	Lương Thúy Thu	Luân Giới - DBD	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
36	Sùng A Minh	2020		MG ghép Phi Cao	Mông	Sùng A Chữ	Bản Phi Cao - MN	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
37	Giàng A Như	2020		MGG Huổi Sa Lằng	Mông	Giàng A Vênh	Bản Pha Thanh - MN	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
38	Mùa Thị Lú		2020	MGG Huổi Sa Lằng	Mông	Mùa A Tủa	Bản Pha Thanh - MN	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
39	Lầu Thị Ia		2020	MGG Huổi Sa Lằng	Mông	Lầu A Chua	Bản Pha Thanh - MN	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
40	Giàng Thị Thu		2020	MGG Huổi Sa Lằng	Mông	Giàng A Dĩa	Bản Pha Thanh - MN	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
41	Vàng Thị Vít		2020	MGG Huổi Sa Lằng	Mông	Vàng A Sả	Bản Pha Thanh - MN	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
42	Ly Thị La		2021	MGG Huổi Sa Lằng	Mông	Hà Thị Vả	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
43	Vàng Thị Ảnh		2021	MGG Huổi Sa Lằng	Mông	Vàng A Sả	Bản Pha Thanh - MN	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
44	Sông A Na	2021		MGG Huổi Sa Lằng	Mông	Sông Bà Sùng	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
45	Mùa A Khánh	2022		MGG Huổi Sa Lằng	Mông	Mùa A Tủa	Bản Pha Thanh - MN	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
46	Giàng A Cừ	2022		MGG Huổi Sa Lằng	Mông	Giàng A Vênh	Bản Pha Thanh - MN	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
47	Hà Thị Đũa Chi		2020	MG ghép Pha Thanh	Mông	Hà A Hồng	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
48	Vừ A Tả	2020		MG ghép Pha Thanh	Mông	Vừ A Dénh	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
49	Hà A Sơn	2020		MG ghép Pha Thanh	Mông	Vừ Thị Sư	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
50	Hà Thị Dũa		2020	MG ghép Pha Thanh	Mông	Hà A Đinh	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
51	Hà Thị Cống		2020	MG ghép Pha Thanh	Mông	Hà A Tủa	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000

52	Vũ A Xanh	2020		MG ghép Pha Thanh	Mông	Vàng Thi Vũ	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
53	Vũ A Hạnh	2020		MG ghép Pha Thanh	Mông	Vũ A Nếnh	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
54	Vàng A Phu	2020		MG ghép Pha Thanh	Mông	Vàng A Xanh	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
55	Hà A Hà	2021		MG ghép Pha Thanh	Mông	Hà A Thénh	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
56	Hà A Thuý	2021		MG ghép Pha Thanh	Mông	Hà Gà Thái	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
57	Hà A Đế	2021		MG ghép Pha Thanh	Mông	Hà A Hồng	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
58	Vũ A Phú	2021		MG ghép Pha Thanh	Mông	Vũ A Chữ	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
59	Vũ A Trường	2021		MG ghép Pha Thanh	Mông	Vũ A Gư	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
60	Hà Thi La	2021		MG ghép Pha Thanh	Mông	Vũ Thi Sư	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
61	Vũ Thi Xi	2021		MG ghép Pha Thanh	Mông	Vũ A Say	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
62	Hà A Cường	2021		MG ghép Pha Thanh	Mông	Hà A Sénh	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
63	Vũ Thi Hoa	2021		MG ghép Pha Thanh	Mông	Vàng Thi Vũ	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
64	Hà Thi Thu Biên	2021		MG ghép Pha Thanh	Mông	Hà A Tũa	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
65	Hà Thi Chữ	2021		MG ghép Pha Thanh	Mông	Hà A Chóng	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
66	Vũ Thi Lầu	2021		MG ghép Pha Thanh	Mông	Vũ A Thấy	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
67	Ly T. Nguyệt Phương	2021		MG ghép Pha Thanh	Mông	Ly A Pó	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
68	Hà A Xai	2022		MG ghép Pha Thanh	Mông	Hà A Và	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
69	Hà Lê Vi	2022		MG ghép Pha Thanh	Mông	Hà A Tũa	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
70	Và A Châu	2022		MG ghép Pha Thanh	Mông	Và A Mũa	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
71	Vũ Thi Ánh	2022		MG ghép Pha Thanh	Mông	Sùng Thi Sénh	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
72	Vũ Thi Dinh	2022		MG ghép Pha Thanh	Mông	Vũ A Sénh	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
73	Hà Thi Ngọc My	2022		MG ghép Pha Thanh	Mông	Sùng Thi Ly	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
74	Giàng Du Thiên	2022		MG ghép Pha Thanh	Mông	Giàng A Cừ	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
75	Lầu Minh Thắng	2022		MG ghép Pha Thanh	Mông	Lầu A Chu	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
76	Hà Thi Lừ	2022		MG ghép Pha Thanh	Mông	Hà A Tro	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000
77	Thảo Phương Cảnh	2022		MG ghép Pha Thanh	Mông	Thảo A Cho	Bản Pha Thanh - MN	Thôn, bản DBKK	150.000	4	600.000

4.4.3 / QĐ - UBND, ngày 13 tháng 1 năm 2025 của UBND xã Mường Nhé)

DVT: đồng

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
Trường MIN Mường Nhé											
1	Lầu A Xư	2020		MG ghép bản Ban	Mông	Vừ A Ly	Pú Hồng - DBD	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
2	Lầu A Ca	2022		MG ghép bản Ban	Mông	Vừ A Ly	Pú Hồng - DBD	Hộ nghèo	150.000	4	600.000